

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Phạm Mỹ Phương

Khoa Kinh tế và luật Trường Đại học Bạc Liêu

Nguyễn Quốc Duy

Cựu sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu

Email: pmphuong@blu.edu.vn.

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm xác định và đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu - một trường đại học vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Mô hình nghiên cứu được xây dựng dựa trên Lý thuyết Hành vi có kế hoạch (TPB) của Ajzen (1991) và kế thừa các công trình mở rộng, gồm tám yếu tố: Chuẩn mực xã hội, cảm nhận sự khát khao, cảm nhận tính khả thi, cảm nhận môi trường giáo dục đại học, điều kiện thị trường và tài chính, tính cách cá nhân, thái độ đối với hành vi khởi nghiệp, nhận thức kiểm soát hành vi. Dữ liệu được thu thập từ 300 sinh viên và xử lý bằng SPSS 22.0. Kết quả Cronbach's Alpha, EFA và hồi quy tuyến tính bội cho thấy bảy yếu tố ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp là chuẩn mực xã hội, cảm nhận sự khát khao, cảm nhận tính khả thi, cảm nhận môi trường giáo dục đại học, điều kiện thị trường và tài chính, tính cách cá nhân, thái độ đối với hành vi khởi nghiệp.

Từ khóa: Ý định khởi nghiệp, sinh viên, Đại học Bạc Liêu, thái độ, môi trường hỗ trợ.

Nhận bài: 01/12/2025; Biên tập: 02/12/2025; Phản biện: 05/12/2025; Duyệt đăng: 15/12/2025.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam chuyển dịch sang mô hình phát triển dựa trên tri thức và đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trở thành động lực quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng và tạo việc làm. Các trường đại học giữ vai trò tiên phong trong việc hình thành tinh thần và ý định khởi nghiệp của sinh viên, giúp họ tự tạo cơ hội nghề nghiệp và đóng góp cho cộng đồng. Tại Trường Đại học Bạc Liêu, hoạt động khởi nghiệp đã được chú trọng thông qua các cuộc thi, câu lạc bộ và học phần khởi nghiệp. Tuy nhiên, khảo sát ban đầu cho thấy tỷ lệ sinh viên có ý định khởi nghiệp thực sự còn hạn chế. Từ thực tế đó, nghiên cứu này hướng tới xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, nhằm cung cấp bằng chứng khoa học phục vụ hoạch định chính sách giáo dục khởi nghiệp tại trường đại học vùng. Trước đây đã có các nghiên cứu như: Hà Võ Lam Vy (2020), phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khoa Kinh tế Trường Đại học Bạc Liêu, Hoàng Thị Thương (2014), Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Lao động - Xã hội; Trương Hoàng Diệp Hương và cộng sự (2022), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Kinh tế thuộc địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp và mô hình nghiên cứu

2.1.1. Phương pháp thu thập số liệu

Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp: số liệu thứ cấp của đề tài được thu thập từ các nguồn: các bài luận văn thạc sĩ, các bài báo đăng trên tạp chí khoa học, các công trình nghiên cứu có liên quan đến đối tượng nghiên cứu, các nhận định, đánh giá của các nhà chuyên môn, quản lý trong lĩnh vực được thu thập.

Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp: nghiên

cứu tiến hành thu thập dữ liệu với kích cỡ mẫu là 300 đối tượng là sinh viên trường Đại học Bạc Liêu. Phương pháp thu thập dữ liệu bằng bảng câu hỏi, điều tra trực tiếp và qua google form.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu định tính:

Dựa vào các mô hình nghiên cứu trước đây về ý định khởi nghiệp của sinh viên để rút ra các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu. Từ đó xây dựng bảng câu hỏi khảo sát sơ bộ.

Thực hiện phỏng vấn sơ bộ thông qua phát bảng câu hỏi cho 9 chuyên gia 2 giảng viên, 3 doanh nhân, 3 cựu sinh viên Đại học Bạc Liêu đã khởi nghiệp thành công để điều chỉnh và bổ sung thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

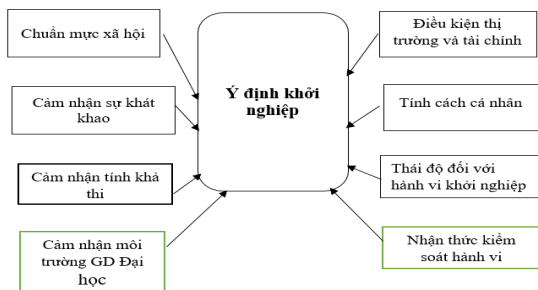
- Nghiên cứu định lượng:

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã sử dụng nghiên cứu định lượng bằng cách khảo sát dữ liệu sơ cấp với bảng câu hỏi được thiết kế dựa trên thang đo Likert 5 mức độ nhằm đánh giá mức độ quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu. Trong mô hình nghiên cứu này, có 8 biến độc lập bao gồm 32 biến quan sát và 1 biến phụ thuộc bao gồm 4 biến quan sát. Do đó, số mẫu cần thiết là $32 \times 5 = 160$ mẫu trở lên. Vậy số lượng mẫu dùng cho khảo sát là 300 mẫu, nên tính đại cho mẫu là đảm bảo cho khảo sát. Mẫu số liệu được thu thập theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Nghiên cứu sử dụng các phân tích trên SPSS 22.0 như Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, hàm hồi quy tuyến tính để đưa ra mô hình và kiểm định T-test.

2.1.3. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Các nghiên cứu từ tổng quan lịch sử nghiên cứu đều đưa ra lập luận chặt chẽ, đáng lưu ý là lập luận của Hoàng Thị Thương (2014) cho rằng ý định khởi

ngiệp không chỉ chịu sự ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài như xã hội, điều kiện thị trường,... mà yếu tố bên trong như tính cách của cá nhân cũng góp phần kích thích ý định khởi nghiệp. Nghiên cứu cả yếu tố bên ngoài và bên trong cá nhân góp phần cho ta cách nhìn tổng quát hơn đến các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp. Bên cạnh đó, sau khi lấy ý kiến của chuyên gia, tác giả quyết định kế thừa nghiên cứu của Hoàng Thị Thương (2014) để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu với 6 yếu tố bao gồm (1) Chuẩn mực xã hội, (2) Cảm nhận sự khát khao, (3) Cảm nhận tính khả thi, (4) Cảm nhận môi trường giáo dục đại học, (5) Điều kiện thị trường và tài chính, (6) Tính cách cá nhân. Ngoài ra, nghiên cứu cũng được chọn lọc 2 yếu tố trong các nghiên cứu còn lại mà mô hình nghiên cứu của Hoàng Thị Thương (2014) chưa đề cập đến để đưa ra mô hình nghiên cứu đề xuất. Qua chọn lọc, tác giả quyết định đưa yếu tố thái độ đối với hành vi khởi nghiệp và yếu tố nhận thức kiểm soát hành vi vào trong mô hình nghiên cứu đề xuất vì tác giả xem xét hai yếu tố này ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp theo cách tiếp cận từ lý thuyết hành vi có kế hoạch của Ajzen (1991). Mặt khác, từ những kiến thức thực tiễn đã học và trải nghiệm của tác giả tại Trường Đại học Bạc Liêu cùng với việc tham khảo ý kiến chuyên gia nên 8 yếu tố trên được chọn do tác giả và các chuyên gia nhận thấy rằng các yếu tố này phù hợp với bối cảnh thực tế tại trường. Bên cạnh đó, sau quá trình lược khảo tài liệu, xem xét khái niệm và thang đo, tác giả nhận thấy có nhiều yếu tố trùng nhau nên không đề xuất vào mô hình nghiên cứu. Yếu tố chuẩn chủ quan, yếu tố hỗ trợ khởi nghiệp, ý kiến của người xung quanh trùng với yếu tố nhận thức xã hội. Yếu tố nhận thức tính khả thi trùng với yếu tố cảm nhận tính khả thi. Yếu tố giáo dục, yếu tố môi trường giáo dục tinh thần khởi nghiệp, yếu tố môi trường giáo dục, yếu tố môi trường khởi nghiệp trùng với yếu tố cảm nhận môi trường giáo dục đại học. Yếu tố đặc điểm tính cách trùng với yếu tố tính cách cá nhân. Yếu tố thái độ cá nhân, yếu tố thái độ khởi nghiệp trùng với yếu tố thái độ đối với hành vi khởi nghiệp. Ngoài ra, yếu tố nguồn vốn, yếu tố tiếp cận tài chính thuộc yếu tố điều kiện thị trường và tài chính nên tác giả không đề xuất.



Hình 1: Mô hình đề xuất nghiên cứu

2.2. Kết quả và thảo luận

2.2.1. Thống kê mẫu nghiên cứu

Số phiếu phát ra là 300 phiếu, thu hồi lại được 300 phiếu, đạt tỷ lệ 100%. Kết quả này dùng để thống kê mẫu nghiên cứu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu.

2.2.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Qua kết quả phân tích đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha ta thấy: Các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6. Kết quả kiểm định thang đo của 8 nhân tố như sau:

- + Chuẩn mực xã hội: Gồm 4 biến quan sát là XH1, XH2, XH3, XH4.
- + Cảm nhận sự khát khao: Gồm 3 biến quan sát là KK1, KK2, KK3.
- + Cảm nhận tính khả thi: Gồm 4 biến quan sát là KT1, KT2, KT3, KT4.
- + Cảm nhận môi trường giáo dục đại học: Gồm 4 biến quan sát là GD1, GD2, GD3, GD4.
- + Điều kiện thị trường và tài chính: Gồm 5 biến quan sát là TT1, TT2, TT3, TT4, TT5.
- + Tính cách cá nhân: Gồm 4 biến quan sát là TC1, TC2, TC3, TC4.
- + Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp: Gồm 4 biến quan sát là TD1, TD2, TD3, TD4.
- + Nhận thức kiểm soát hành vi: Gồm 4 biến quan sát là KS1, KS2, KS3, KS4.

Bảng 1: Hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo

Biến quan sát	Biến đặc trưng	Biến bị loại	Cronbach's Alpha
Chuẩn mực xã hội	4	-	0,867
Cảm nhận sự khát khao	3	-	0,736
Cảm nhận tính khả thi	4	-	0,910
Cảm nhận môi trường giáo dục đại học	4	-	0,901
Điều kiện thị trường và tài chính	5	-	0,874
Tính cách cá nhân	4	-	0,919
Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp	4	-	0,889
Nhận thức kiểm soát hành vi	4	-	0,935

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2025)

2.2.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả kiểm định KMO và Bartlett các biến độc lập cho chỉ số KMO là 0,787 > 0,5 và mức ý nghĩa bằng 0 (sig = 0,000). Vì vậy, có thể kết luận phân tích nhân tố để nhóm các biến lại với nhau là thích hợp và dữ liệu phù hợp cho việc phân tích nhân tố.

Bảng 2: Kết quả kiểm định KMO và Bartlett biến phụ thuộc

Hệ số KMO của kiểm định sự phù hợp của mô hình		0,787
Kiểm định tương quan biến	Giá trị bình phương xấp xỉ	7151,186
	Df	496
	Sig.	0,000

Như vậy, sau khi thực hiện phương pháp rút trích Principal Component và phép quay Varimax, kết quả các nhóm được gom lại lần cuối như sau:

- Nhóm 1 (Điều kiện thị trường và tài chính): Có 5 biến quan sát là TT1, TT2, TT3, TT4, TT5.
- Nhóm 2 (Tính cách cá nhân): Có 4 biến quan sát TC1, TC2, TC3, TC4.
- Nhóm 3 (Cảm nhận tính khả thi): Có 4 biến quan sát là KT1, KT2, KT3, KT4.
- Nhóm 4 (Cảm nhận môi trường giáo dục đại học): Có 4 biến quan sát là GD1, GD2, GD3, GD4.
- Nhóm 5 (Nhận thức kiểm soát hành vi): Có 4 biến quan sát là (KS1, KS2, KS3, KS4).
- Nhóm 6 (Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp): Có 4 biến quan sát TD1, TD2, TD3, TD4.
- Nhóm 7 (Chuẩn mực xã hội): Có 4 biến quan sát XH1, XH2, XH3, XH4.
- Nhóm 8 (Cảm nhận sự khát khao): Có 3 biến quan sát KK1, KK2, KK3.

3.4. Phân tích nhân tố thang đo biến phụ thuộc

Hệ số KMO của kiểm định sự phù hợp của mô hình		0,820
Kiểm định tương quan biến	Giá trị bình phương xấp xỉ	908,057
	Df	6
	Sig.	0,000

Bảng 4 cho thấy, kết quả kiểm định KMO và Bartlett biến phụ thuộc cho chỉ số KMO là 0,820 > 0,5 và mức ý nghĩa bằng 0 (sig = 0,000). Vì vậy, có thể kết luận phân tích nhân tố rất phù hợp với tập dữ liệu.

Bảng 5: Phân tích nhân tố EFA biến phụ thuộc

	Nhân tố
	1
YD4	0,946
YD3	0,884
YD2 YD1	0,878 0,873
Eigenvalue	3,208
Phương sai trích (%)	80,208

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2025)

Bảng 5 cho thấy có duy nhất một yếu tố duy nhất được trích là yếu tố Ý định khởi nghiệp bao gồm có 4 biến quan sát, hệ số Eigenvalue (3,208) lớn hơn 1 (đạt yêu cầu), các hệ số nhân tố đều có kết quả lớn hơn 0,5 (đạt yêu cầu), phương sai trích đạt được 80,208% với ý nghĩa nhân tố rút trích giải thích được 80,208% sự biến thiên của dữ liệu. Vậy các biến quan sát trong thang đo Sự hài lòng đều quan trọng và đều có những ý nghĩa thiết thực.

Sau khi phân tích nhân tố khám phá (EFA) thì mô hình nghiên cứu lý thuyết chính thức điều chỉnh gồm

có kết quả bao gồm có 1 biến phụ thuộc (Ý định khởi nghiệp) và 8 biến độc lập (Chuẩn mực xã hội, Cảm nhận sự khát khao, Cảm nhận tính khả thi, Cảm nhận môi trường giáo dục đại học, Điều kiện thị trường và tài chính, Tính cách cá nhân, Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp, Nhận thức kiểm soát hành vi).

3.5. Phân tích tương quan

Bảng 6 cho thấy, rằng sự tương quan chặt chẽ giữa biến phụ thuộc (Ý định khởi nghiệp) với 8 biến độc lập (Chuẩn mực xã hội, Cảm nhận sự khát khao, Cảm nhận tính khả thi, Cảm nhận môi trường giáo dục đại học, Điều kiện thị trường và tài chính, Tính cách cá nhân, Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp, Nhận thức kiểm soát hành vi). Hệ số tương quan đều có giá trị Sig = 0,000. Do đó có thể đưa các biến độc lập này vào mô hình hồi quy để giải thích cho sự thay đổi của biến quyết định chọn trường đại học.

Bảng 6: Ma trận hệ số tương quan các biến trong mô hình

		YD	XH	KK	KT	GD	TT	TC	TD	KS
YD	Hệ số tương quan	1	0,569**	0,419**	0,382**	0,398**	0,466**	0,380**	0,304**	0,455**
	Sig. (2-tailed)		0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
	N	300	300	300	300	300	300	300	300	300
XH	Hệ số tương quan	0,569**	1	0,210**	0,198**	0,242**	0,275**	0,192**	0,193**	0,342**
	Sig. (2-tailed)	0,000		0,000	0,001	0,000	0,000	0,001	0,001	0,000
	N	300	300	300	300	300	300	300	300	300
KK	Hệ số tương quan	0,419**	0,210**	1	0,150**	0,226**	0,154**	0,244**	0,170**	0,343**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000		0,009	0,000	0,007	0,000	0,003	0,000
	N	300	300	300	300	300	300	300	300	300
KT	Hệ số tương quan	0,382**	0,198**	0,150**	1	0,032	0,241**	0,081	0,036	0,105
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,001	0,009		0,582	0,000	0,163	0,538	0,070
	N	300	300	300	300	300	300	300	300	300
GD	Hệ số tương quan	0,398**	0,242**	0,226**	0,032	1	0,190**	0,255**	0,128**	0,575**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,582		0,001	0,000	0,026	0,000
	N	300	300	300	300	300	300	300	300	300
TT	Hệ số tương quan	0,466**	0,275**	0,154**	0,241**	0,190**	1	0,138*	0,066	0,220**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,007	0,000	0,001		0,016	0,256	0,000
	N	300	300	300	300	300	300	300	300	300
TC	Hệ số tương quan	0,380**	0,192**	0,244**	0,081	0,255**	0,138*	1	0,296**	0,279**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,001	0,000	0,163	0,000	0,016		0,000	0,000
	N	300	300	300	300	300	300	300	300	300
TD	Hệ số tương quan	0,304**	0,193**	0,170**	0,036	0,128**	0,066	0,296**	1	0,235**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,001	0,003	0,538	0,026	0,256	0,000		0,000
	N	300	300	300	300	300	300	300	300	
KS	Hệ số tương quan	0,455**	0,342**	0,343**	0,105	0,575**	0,220**	0,279**	0,235**	1
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,070	0,000	0,000	0,000	0,000	
	N	300	300	300	300	300	300	300	300	300

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2025)

3.6. Phân tích hồi quy

Bảng 7: Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R ²	Hệ số R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Hệ số Durbin Watson
1	0,786 ^a	0,618	0,608	0,35859	1,827

Biến độc lập: XH, KK, KT, GD, TT, TC, TD, KS
b. Biến phụ thuộc: YD

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2025)

Bảng 7 cho thấy, giá trị hệ số R² là 0,618 điều này có nghĩa là các biến độc lập trong mô hình giải thích được 61,8% sự biến thiên của ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Bạc Liêu; còn lại 38,2% được giải thích bởi các yếu tố khác không có trong mô hình này.

R² hiệu chỉnh của mô hình là 0,608 (60,8%) < R² chưa hiệu chỉnh (61,8%). Hệ số R² hiệu chỉnh của mô hình là 60,8% cho thấy mức độ phù hợp của mô hình tương đối tốt và sự phù hợp này chỉ đúng với dữ liệu mẫu. Do đó cần tiến hành kiểm định độ phù hợp của mô hình.

Kiểm định Durbin Watson = 1,827 nằm trong khoảng [1 < D < 3] nên không có hiện tượng tương quan của các phần dư.

Bảng 8: Kiểm định độ phù hợp của mô hình

Mô hình		Tổng bình phương	Bậc tự do	Trung bình bình phương	F	Sig.
1	Hồi quy	60,590	8	7,574	58,898	0,000b
	Phần dư	37,419	291	0,129		
	Tổng	98,009	299			

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2025)

Bảng 8 cho thấy, giá trị Sig rất nhỏ (Sig = 0,000 < 0,05) điều này có nghĩa là các biến độc lập trong mô hình có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc, tức là sự kết hợp của các biến độc lập có thể giải thích được sự thay đổi của biến phụ thuộc.

Bảng 9: Thông số thống kê từng biến trong mô hình

Mô hình B		Hệ số chưa chuẩn hoá		Hệ số chuẩn hoá	t	Mức ý nghĩa Sig. Dung sai Tolerance	Thông kê đa cộng tuyến	
		Sai số chuẩn	Beta				VIF	
1	Hằng số	-0,695	0,213		-3,269	0,001		
	XH	0,241	0,030	0,322	7,988	0,000	0,807	1,240
	KK	0,176	0,039	0,177	4,466	0,000	0,839	1,192
	KT	0,140	0,025	0,209	5,505	0,000	0,910	1,099
	GD	0,103	0,032	0,143	3,191	0,002	0,651	1,535
	TT	0,241	0,041	0,231	5,935	0,000	0,863	1,158
	TC	0,124	0,036	0,138	3,467	0,001	0,829	1,206
	TD	0,093	0,031	0,115	2,969	0,003	0,873	1,145
	KS	0,047	0,035	0,063	1,327	0,185	0,574	1,742

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2025)

Qua bảng 9 có 7 nhân tố biến độc lập có mức ý nghĩa Sig. < 0,05, cụ thể là Chuẩn mực xã hội (XH), Cảm nhận sự khát khao (KK), Cảm nhận tính khả thi (KT), Cảm nhận môi trường giáo dục đại học (GD), Điều kiện thị trường và tài chính (TT), Tính cách cá nhân (TC), Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp (TD). Nghĩa là 7 biến độc lập trên trong ma trận đều có sự tương quan tuyến tính đối với biến phụ thuộc Ý định khởi nghiệp (YD). Do đó, 7 biến độc lập này có ý nghĩa thống kê và đủ điều kiện để đưa vào phân tích hồi quy. Mặt khác, nhân tố Nhận thức kiểm soát hành vi (KS) có mức ý nghĩa Sig. = 0,185 (> 0,05), đồng nghĩa với việc nhân tố này không có sự tương quan tuyến tính đối với biến phụ thuộc Ý định khởi nghiệp (YD). Do đó, biến độc lập này không có ý nghĩa thống kê và không đủ điều kiện để đưa vào phân tích hồi quy.

Từ kết quả phân tích trên, ta viết được hàm hồi quy đặc trưng đo lường ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

Phương trình hồi quy theo hệ số Beta chưa chuẩn hóa được trình bày như sau:

$$Y = 0,241 \cdot XH + 0,176 \cdot KK + 0,140 \cdot KT + 0,103 \cdot GD + 0,241 \cdot TT + 0,124 \cdot TC + 0,093 \cdot TD$$

Các hệ số hồi quy phản ánh sự thay đổi của biến phụ thuộc khi một biến độc lập thay đổi và các biến độc lập còn lại được giữ nguyên. Trong điều kiện các biến khác không thay đổi giá trị, khi X1 thay đổi 1 đơn vị, Y sẽ thay đổi β1 đơn vị. Giải thích phương trình hồi quy hệ số Beta chưa chuẩn hóa như sau:

Khi các yếu tố khác không đổi, yếu tố “Chuẩn mực xã hội” tăng 1 đơn vị thì yếu tố “Ý định khởi nghiệp” tăng 0,322 đơn vị.

Khi các yếu tố khác không đổi, yếu tố “Cảm nhận sự khát khao” tăng 1 đơn vị thì yếu tố “Ý định khởi nghiệp” tăng 0,177 đơn vị.

Khi các yếu tố khác không đổi, yếu tố “Cảm nhận tính khả thi” tăng 1 đơn vị thì yếu tố “Ý định khởi nghiệp” tăng 0,209 đơn vị.

Khi các yếu tố khác không đổi, yếu tố “Cảm nhận môi trường giáo dục đại học” tăng/giảm 1% thì yếu tố “Ý định khởi nghiệp” tăng 0,143 đơn vị.

Khi các yếu tố khác không đổi, yếu tố “Điều kiện thị trường và tài chính” tăng/giảm 1% thì yếu tố “Ý định khởi nghiệp” tăng 0,231 đơn vị.

Khi các yếu tố khác không đổi, yếu tố “Tính cách cá nhân” tăng 1 đơn vị thì yếu tố “Ý định khởi nghiệp” tăng 0,138 đơn vị.

Khi các yếu tố khác không đổi, yếu tố “Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp” tăng 1 đơn vị thì yếu tố “Ý định khởi nghiệp” tăng 0,115 đơn vị.

Khi các yếu tố khác không đổi, yếu tố “Nhận thức kiểm soát hành vi” tăng 1 đơn vị thì yếu tố “Ý định khởi nghiệp” tăng 0,322 đơn vị.

Phương trình hồi quy theo hệ số Beta chuẩn hóa được trình bày như sau:

$$Y = 0,322 \cdot XH + 0,177 \cdot KK + 0,209 \cdot KT + 0,143 \cdot GD + 0,231 \cdot TT + 0,138 \cdot TC + 0,115 \cdot TD$$

Căn cứ vào trị tuyệt đối của hệ số hồi quy chuẩn

hóa biết được biến X nào ảnh hưởng mạnh hay yếu đến biến Y. Trị tuyệt đối hệ số β càng lớn thì tầm quan trọng của biến đối với Y càng lớn. Hệ số hồi quy β khi mang dấu dương nghĩa là biến độc lập tác động thuận chiều với biến phụ thuộc, hệ số hồi quy mang dấu âm nghĩa là biến độc lập tác động nghịch chiều với biến phụ thuộc. Có thể thấy rằng, giá trị Beta của yếu tố “Chuẩn mực xã hội” là cao nhất ($\beta = 0,322$), do đó đây là yếu tố tác động mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Tiếp đến là yếu tố “Điều kiện thị trường và tài chính” với hệ số Beta là 0,231 có tác động mạnh thứ hai. Tiếp đến là yếu tố “Cảm nhận tính khả thi” với hệ số Beta là 0,209 có tác động mạnh thứ ba. Tiếp theo là yếu tố “Cảm nhận sự khát khao” với hệ số Beta là 0,177 có tác động mạnh thứ tư. Yếu tố có tác động mạnh thứ năm là yếu tố “Cảm nhận môi trường giáo dục đại học” với hệ số Beta là 0,143. Tiếp đến là yếu tố “Tính cách cá nhân với hệ số Beta là 0,138 có tác động mạnh thứ sáu. Cuối cùng là yếu tố “Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp” với hệ số Beta là 0,115. Ngoài ra, tất cả các yếu tố đều tương quan thuận đến biến phụ thuộc.

4. Kết luận

Với 300 bảng câu hỏi khảo sát được phát ra và đã thu hồi về 300 bảng khảo sát hợp lệ. Nhóm tác giả tiến hành phân tích với những số liệu sau khi khảo sát. Kết quả như sau: Kết quả nghiên cứu cho thấy có 7 nhân tố liên quan đến ý định khởi nghiệp của sinh viên năm cuối tại trường Đại học Bạc Liêu. Yếu tố “Chuẩn mực xã hội” có tác động mạnh nhất ($\beta = 0,322$) đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Tiếp đến là yếu tố “Điều kiện thị trường và tài chính” có tác động mạnh thứ hai ($\beta = 0,231$). Yếu tố “Cảm

nhận tính khả thi” với hệ số Beta là 0,209 có tác động mạnh thứ ba. Yếu tố “Cảm nhận sự khát khao” với hệ số Beta là 0,177 có tác động mạnh thứ tư. Yếu tố có tác động mạnh thứ năm là yếu tố “Cảm nhận môi trường giáo dục đại học” với hệ số Beta là 0,143. Tiếp đến là yếu tố “Tính cách cá nhân với hệ số Beta là 0,138 có tác động mạnh thứ sáu. Cuối cùng là yếu tố “Thái độ đối với hành vi khởi nghiệp” với hệ số Beta là 0,115 ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đoàn Thị Thu Trang và Lê Hiếu Học. *Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp sinh viên ngành Kỹ Thuật: Nghiên cứu trường hợp đại học Bách Khoa Hà Nội*. Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, số 97 (97), 43 - 68.
- [2]. Hà Võ Lam Vy. (2020). *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khoa Kinh tế tại Trường Đại học Bạc Liêu*. Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Bạc Liêu.
- [3]. Hoàn Kim Toàn (2022). *Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp sáng tạo của sinh viên Đại học Huế*. Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 6A(131), 209 - 225.
- [4]. Hoàng Thị Thương (2014). *Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Lao động - Xã hội*. Luận văn thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Ngô Ngọc Anh Thư (2022). *Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Khoa Dược, Đại học Nguyễn Tất Thành*. Tạp chí khoa học và công nghệ Trường đại học Nguyễn Tất Thành, số 17 (5), 72 - 80.
- [6]. Nguyễn Thu Thủy (2014). *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tiềm năng khởi sự kinh doanh của sinh viên đại học*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

The factors influencing the start-up intentions of students at Bac Lieu University

Pham My Phuong

Faculty of Economics and Law Bac Lieu University

Nguyen Quoc Duy

Former Student Bac Lieu University

Email: pmphuong@blu.edu.vn.

Abstract: The study aims to identify and measure the factors influencing the students' start-up intention at Bac Lieu University - a regional university located in the Mekong Delta of Vietnam. The research model was developed based on Ajzen's (1991) Theory of Planned Behavior (TPB) and extended from previous studies, comprising eight factors: social norms, perceived desire, perceived feasibility, perceived university environment, market and financial conditions, personal characteristics, attitude toward start-up, and perceived behavioral control. Data were collected from 300 students and analyzed using SPSS 22.0. The results of Cronbach's Alpha, EFA, and multiple linear regression show that seven factors positively influence start-up intention, including: social norms, perceived aspiration, perceived feasibility, perceived higher education environment, market and financial conditions, personal characteristics, and attitude towards start-up behavior.

Keywords: Start-up intention, students, Bac Lieu University, attitude, supportive environment.